

Bản án số: **372 /2020/HNGĐ-ST**
Ngày 24-12-2020
“V/v Ly hôn và nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà :Tùng Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông : Nguyễn Việt Thắng

Bà : Nguyễn Huỳnh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 762/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2020 về việc “*Ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2020 ngày 7.12.2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lý Thị M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Nguyễn Văn K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Nguyên đơn và bị đơn có đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2008 Lý Thị M và Nguyễn Văn K tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây Bắc, nhưng giấy đăng ký kết hôn đã thất lạc. Thời kỳ chung sống giữa chị M và anh K có 02 con chung: tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/06/2011, Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 16.02.2013 các con hiện sống chung với anh K.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh K đánh đập nhiều lần từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân hơn 2 tháng, xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh K, về con chung các con có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi không yêu cầu anh K cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn Nguyễn Văn K trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị M. Nay anh K cũng đồng ý ly hôn với chị M, về con các con đồng ý theo M, tôi đồng ý giao các con cho M nuôi, không cấp dưỡng, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung, tự thỏa thuận.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 16.11.2020 cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 15.06.2001 và cháu Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 16.02.2013, các cháu yêu cầu được sống với chị M.

Tại giấy xác nhận của UBND xã Khánh Bình Tây Bắc ngày 29.10.2020 và UBND xã Khánh Bình ngày 29.10.2020, xác định trong sổ tàng thư của 2 xã không có trường hợp Lý Thị M và Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị M và anh K tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, theo chị M cho rằng có đăng ký kết hôn nhưng giấy đăng ký kết hôn đã thất lạc, qua xác nhận của UBND xã Khánh Bình và UBND xã Khánh Bình Tây Bắc xác định trong sổ tàng thư của xã không có trường hợp chị M và anh K đăng ký kết hôn, nên không có căn cứ chứng minh là anh K và chị M có đăng ký kết hôn, do đó mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh K được xem là không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng là phù hợp;

[4] *Xét về con chung*: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 15.06.2011 và cháu Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 16.02.2013. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 16.11.2020 đối với cháu H, cháu H có nguyện vọng sống với chị M và tại phiên tòa anh K cũng thống nhất giao cháu H và H cho chị M nuôi dạy. Chị M cũng xác định đủ điều kiện nuôi cháu H và cháu H, do đó chấp nhận giao cháu Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Ngọc H cho chị M nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này và anh K phải tôn trọng quyền của cháu H và H được sống với chị M là phù hợp với Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về yêu cầu cấp dưỡng*: Do chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét phần tài sản chung và nợ chung.

[7] *Xét về án phí*: Chị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị M.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Lý Thị M và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn K có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15.06.2011 và cháu Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 16.02.2013 cho chị Lý Thị M nuôi dạy, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này và anh K phải tôn trọng quyền của cháu Hân và cháu Huyền được sống với chị M.

2. Về án phí sơ thẩm:

Lý Thị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị M đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004215 ngày 30/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung